

Bản án số: 436/2025/HC-PT
Ngày 17 tháng 4 năm 2025
“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ,
tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Hải Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 1196/2024/TLPT-HC ngày 06 tháng 12 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 455/2024/HC-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 704/2025/QĐPT-HC ngày 28 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1971 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 790 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền do Văn phòng công chứng Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh công chứng ngày 28/3/2024): Ông Nguyễn Quốc L, sinh năm 1985 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Số 252 Lương Định Của, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lê Văn Lâm, Văn phòng luật sư Lê Lâm thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt;

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức;

Cùng địa chỉ: Số 168 Trương Văn Bang, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức: Ông Hoàng T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức – Xin vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức:

- Ông Trần Quốc S, Phó Trưởng phòng tiếp công dân - Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng thành phố Thủ Đức – Có mặt;

- Ông Vũ Mạnh C, Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 1 - Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng thành phố Thủ Đức – Xin vắng mặt;

- Ông Trần Tuấn K, Phó Trưởng Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng thành phố Thủ Đức – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 168 Trương Văn Bang, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Số 86 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Ông Trần Quốc S, Phó Trưởng phòng tiếp công dân - Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng thành phố Thủ Đức – Có mặt;

- Bà Dương Thị Ngọc H¹, Phó Trưởng Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng thành phố Thủ Đức – Xin vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 168 Trương Văn Bang, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Xuân N, sinh năm 1973 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 790 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị Xuân N (Văn bản ủy quyền do Văn phòng công chứng Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh công chứng ngày 28/5/2024): Ông Nguyễn Quốc L, sinh năm 1985 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Số 252 Lương Định Của, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 28/3/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Thanh H và người đại diện hợp pháp của ông trình bày:

Nhà đất số 790 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi có nguồn gốc của cha mẹ của ông xây dựng trên đất được Nhà nước cấp năm 1988. Năm 1993, cha mẹ cho ông, vào năm 1999 ông kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 474/2002 ngày 07/5/2002 diện tích 211,7 m² trên tổng diện tích khoảng 360 m²; trong đó có phần diện tích 48,1 m² có một căn nhà trên đất do cha mẹ ông cất từ trước năm 1993 nằm trong phần diện tích chưa được công nhận, sau này ông cải tạo lại để sử dụng (gác gỗ, mái tole, tường gạch).

Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành Thông báo số 1535/TB-UBND-TNMT ngày 22/11/2017 thu hồi diện tích 48,1 m² thuộc một phần Thửa đất số 23, Tờ bản đồ số 15, phường Thạnh Mỹ Lợi và ngày 14/11/2022 ông nhận được quyết định thu hồi đất số 9403/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 (*Sau đây viết tắt là Quyết định số 9403*).

Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành Quyết định số 9846/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 (*sau đây viết tắt là Quyết định số 9846*) phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phần đất thu hồi trên theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm với giá 8.446.000 đồng/m² nên ông H không đồng ý mà yêu cầu phải bồi thường theo giá đất ở, vì tại khoản 3 Điều 11 Luật đất đai năm 2013 quy định về xác định loại đất đối với trường hợp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là căn cứ vào quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà đất số 127/UBND-XN lập ngày 09/4/2020 thì phần diện tích 48,1 m² nằm trong diện tích đất Nhà nước cấp cho cha mẹ ông H từ năm 1988, theo đó tổng diện tích cha mẹ ông được cấp để làm nhà ở và thực tế cha mẹ ông đã xây dựng một căn nhà trên diện tích 48,1 m² này từ trước ngày 01/7/2004. Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ cũng quy định trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng sử dụng.

Ông khiếu nại Quyết định số 9846 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành Quyết định số 11081/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 (*Sau đây viết tắt là Quyết định số 11081*) giữ nguyên Quyết định số 9846, ông tiếp tục khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 13/3/2024 (*Sau đây viết tắt là Quyết định số 752*) giữ nguyên Quyết định số 11081.

Ông Nguyễn Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết huỷ Quyết định số 9846, Quyết định số 11081 và Quyết định số 752.

Tại Văn bản số 7149/UBND-BBT ngày 05/8/2024 và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trình bày:

Thực hiện dự án xây dựng nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thị Định (đoạn từ cầu Giồng Ông Tố đến cầu Mỹ Thủy), Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành Quyết định số 9403 thu hồi của gia đình ông Nguyễn Thanh H diện tích 48,1 m² và ban hành Quyết định số 9846 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình ông H theo giá đất trồng cây lâu năm vị trí 1 tiếp giáp đường Nguyễn Thị Định 8.446.000 đồng/m² là đúng quy định tại điểm 4.1 khoản 4 mục I phần B của Chính sách số 481/CSBT-HĐBT ngày 14/11/2022 của Hội đồng bồi thường dự án được Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức phê duyệt tại Quyết định số 9852/QĐ-UBND ngày 14/11/2022.

Tại khoản b Điều 1 Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định hạn mức đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân tại quận Thủ Đức không quá 200 m²/hộ. Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồng diện tích 211,7 m² đất ở, diện tích sử dụng nhà ở là 47,5 m²; phần diện tích 48,1 m² không được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vượt hạn mức đất ở theo quy định tại Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, việc bồi thường cho ông H là đúng quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án không chấp nhận khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Văn bản số 4896/UBND-NCPC ngày 26/8/2024 của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Tại Tờ đăng ký nhà đất ngày 24/8/1999, ông H đăng ký diện tích đất là 340 m², diện tích xây dựng là 52 m² (vách lá, cột cây, sàn xi măng, mái tole);

Bản vẽ sơ đồ nhà đất do Đoàn đo đạc bản đồ - Sở Địa chính Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 15/4/2022 có ông Hồng ký xác nhận thể hiện tổng diện tích đất là 363,9 m², diện tích xây dựng là 108,1 m². Trong đó, phần diện tích phù hợp quy hoạch sử dụng đất là 211,7 m², diện tích xây dựng 47,5 m², phần không phù hợp quy hoạch gồm diện tích 152,2 m², diện tích xây dựng 60,6 m² kết cấu nhà vách lá, mái tole, mái lá, hiên.

Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 474/2002 ngày 07/5/2002 cho ông H và bà N diện tích 211,7 m² đất ở là đã vượt hạn mức đất ở quy định tại Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H xây dựng nhà trước ngày 01/7/2004 nhưng diện tích thửa đất lớn hơn hạn mức đất ở 200 m² và phần diện tích 48,1 m² nằm ngoài diện tích đất ở được cấp giấy chứng nhận 211,7 m², nên được xác định là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm vị trí 01 là đúng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không đồng ý khởi kiện của ông H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 455/2024/HC-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Luật tổ tụng hành chính; Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai” và Nghị định

47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về “Quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H có ông Nguyễn Quốc L là người đại diện hợp pháp về việc yêu cầu Tòa án xử huỷ:

- Quyết định số 9846/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 “*Về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông (bà) Nguyễn Thanh H – Phạm Thị Xuân N trong dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng phục vụ Dự án xây dựng nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thị Định (đoạn từ cầu Giồng Ông Tố đến cầu Mỹ Thủy), phường Bình Trưng Tây, phường Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức*” của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 11081/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 “*Về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh H (lần đầu)*” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 13/3/2024 “*Về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh H (lần hai)*” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2024, ông Nguyễn Thanh H có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Nguyễn Thanh H giữ nguyên kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông vì nguồn gốc đất của cha của ông được cấp để làm nhà ở, trên đất đã có nhà ở rồi tặng cho lại cho ông.

Luật sư Lê Văn Lâm đề nghị xem xét Bản án sơ thẩm có nhiều vấn đề không đúng pháp luật. Đất của ông H có nguồn gốc của cha ông H được Ủy ban nhân dân xã cấp để làm nhà ở từ năm 1988, đến năm 1990 cha mẹ cho lại các con mỗi người 346 m², trong đó có ông H và ông H đã cất nhà từ năm 1990. Tuy Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định hạn mức đất ở không quá 200 m²/hộ, nhưng cũng tại Điều 2 của Quyết định số 18 này cũng có quy định đất có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và thừa đất có

vườn ao sử dụng trước ngày 01/7/2004 thì cũng được công nhận là đất ở toàn bộ diện tích, điều này cũng được quy định tại khoản 5 Điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Văn bản của Ủy ban nhân dân phường về xác định pháp lý nguồn gốc đất cũng công nhận đất của ông H có nguồn gốc được cấp để xây dựng nhà ở; Tại Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ cũng quy định xác định loại đất căn cứ vào hiện trạng thực tế sử dụng, đất của ông H đã sử dụng để làm nhà ở từ trước ngày 01/7/2004 nên đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ công nhận diện tích 48,1 m² của ông H là đất ở, nên phải được bồi thường theo giá đất ở. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông H, sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện không đồng ý kháng cáo của ông H vì tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H thì hạn mức đất ở tại thành phố Thủ Đức là 200 m²/hộ theo Quyết định số 64/2001/QĐ-UBND ngày 30/7/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và tại thời điểm thu hồi đất là Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 quy định điều kiện về giấy tờ đất, không phải là đương nhiên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cần phải có các điều kiện khác; Theo quy định tại khoản 4 Điều 103 Luật đất đai năm 2013, Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì thửa đất có vườn, ao có diện tích lớn hơn hạn mức đất ở thì chỉ công nhận đất ở bằng hạn mức đất ở quy định (200 m²/hộ); Ông H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 211,7 m² là đã vượt hạn mức đất ở và phần đất thu hồi 48,1 m² không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H, nên phần 48,1 m² này được xác định là đất nông nghiệp là đúng quy định tại Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Chính sách số 481/CSBT-HĐBT ngày 14/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, nên đề nghị bác kháng cáo của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Đơn kháng cáo hợp lệ về hình thức; Về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người bị kiện có yêu cầu xét xử vắng mặt và có cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện tham gia phiên tòa, nên theo quy định tại Điều 225 Luật tổ tụng hành chính thì việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành.

[2] Ông Nguyễn Thanh H khởi kiện các quyết định hành chính trong thời hạn chưa quá 01 năm, kể từ ngày các quyết định bị khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Quyết định số 9846 được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2003;

Quyết định số 11081 được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Điều 18 và Mục 2 Luật khiếu nại năm 2011;

Quyết định số 752 được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Điều 21 và Mục 3 Luật khiếu nại năm 2011;

[4] Đất của ông Nguyễn Thanh H có nguồn gốc được cụ Nguyễn Văn M tặng cho 346 m² theo Giấy cho đất năm 1998, được Ủy ban nhân dân phường Thanh Mỹ Lợi xác nhận ngày 07/9/2001. Ngày 09/01/2002, ông Nguyễn Thanh H có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, tại Bản vẽ sơ đồ nhà – đất đo Đoàn đo đạc bản đồ Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 15/4/2002 thì tổng diện tích là 363,9 m², trong đó: Diện tích phù hợp quy hoạch là 211,7 m², diện tích không phù hợp quy hoạch là 162,2 m² theo Quyết định số 6982/QĐ-UBND ngày 30/9/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 07/5/2002 ông Nguyễn Thanh H được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 474/2002, Thửa đất số 92, diện tích 211,7 m².

Bản đồ hiện trạng vị trí phục vụ công tác giải phóng mặt bằng ngày 11/12/2019, kiểm tra ngày 09/4/2020 thể hiện phần diện tích của ông Nguyễn Thanh H bị thu hồi là 48,1 m² nằm ngoài ranh giới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại điểm b khoản 1 Điều 1 Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định hạn mức đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân tại quận Thủ Đức không quá 200 m²/hộ.

[5] Ông Nguyễn Thanh H sử dụng đất có diện tích 363,9 m² từ trước ngày 15/10/1993 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 211,7 m² là đã vượt quá hạn mức đất ở theo quy định; Phần diện tích bị thu hồi 48,1 m² nằm ngoài ranh giới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thuộc quy hoạch mở rộng lộ giới đường Nguyễn Thị Định, nên Quyết định số 9846/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức xác định diện tích 48,1 m² là đất nông nghiệp và đã bồi thường diện tích 48,1 m² theo giá đất nông nghiệp là đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm 4.1 khoản 4 và tiết a điểm 19.1 khoản 19 Mục I Phần B của Chính sách số 481/CSBT-HĐBT ngày 14/11/2022 được phê duyệt tại Quyết định số 9852/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

[6] Do Quyết định số 9846 được ban hành đúng quy định của pháp luật nên Quyết định số 11081 và Quyết định số 752 đều không chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn Thanh H là có căn cứ.

[7] Từ các phân tích trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H, ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thanh H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[8] Do không được chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm;

[9] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 455/2024/HC-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Không chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H yêu cầu huỷ các quyết định sau đây:

- Quyết định số 9846/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 “Về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông (bà) Nguyễn Thanh H – Phạm Thị Xuân N trong dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng phục vụ Dự án xây dựng nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thị Định (đoạn từ cầu Giồng Ông Tố đến cầu Mỹ Thủy), phường Bình Trưng Tây, phường Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức” của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 11081/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 “Về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh H (lần đầu)” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 13/3/2024 “Về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh H (lần hai)” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

3. Ông Nguyễn Thanh H phải nộp án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0041615 ngày 21/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

4. Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Ý

Đinh Ngọc Thu Hương

Phạm Văn Công